

**HỆ THỐNG BIỂU MẪU BÁO CÁO THỐNG KÊ DÙNG ĐỂ THU THẬP
HỆ THỐNG CHỈ TIÊU THỐNG KÊ CẤP TỈNH**

Áp dụng đối với: Viện Kiểm sát nhân dân

I. DANH MỤC VÀ BIỂU MẪU BÁO CÁO THỐNG KÊ

| STT | Tên biểu | Ký hiệu biểu | Kỳ báo cáo | Ngày nhận báo cáo |
|------------|--------------------------------|---------------------|-------------------|--|
| A | B | C | D | E |
| 1 | Số vụ án, số bị can đã khởi tố | 001.H/T2001-VKS | 6 tháng, năm | Báo cáo 6 tháng: Ngày 15 tháng 7 năm báo cáo Báo cáo năm: Ngày 28 tháng 3 năm sau năm báo cáo |
| 2 | Số vụ án, số bị can đã truy tố | 002.H/T2002-VKS | 6 tháng, năm | Báo cáo 6 tháng: Ngày 15 tháng 7 năm báo cáo Báo cáo năm: Ngày 28 tháng 3 năm sau năm báo cáo |

| | Mã số | Số vụ án (Vụ) | Số bị can | | | | | | | |
|--|-------|------------------|------------------------|-----------------|--------------|----------------------------|---------------------------|----------------------|-----------------------|--|
| | | | Pháp nhân (Tổ chức) | Cá nhân (Người) | | | | | | |
| | | | | Tổng số | Trong đó: Nữ | Chia theo nhóm tuổi bị can | | | | |
| | | | | | | Từ đủ 14 đến dưới 16 tuổi | Từ đủ 16 đến dưới 18 tuổi | Từ đủ 18 đến 30 tuổi | Từ đủ 31 tuổi trở lên | |
| A | B | 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 | |
| đánh thuê | | | | | | | | | | |
| 2. Chia theo huyện/thị xã/thành phố | | | | | | | | | | |
| - Thành phố | | | | | | | | | | |
| - Huyện | | | | | | | | | | |
| - | | | | | | | | | | |
| | | | | | | | | | | |

Người lập biểu
(Ký, họ tên)

Người kiểm tra biểu
(Ký, họ tên)

....., Ngày ... tháng ... năm ...
Thủ trưởng đơn vị
(Ký, đóng dấu, họ tên)

Biểu số: 001.H/T2001-VKS: SỐ VỤ ÁN, SỐ BỊ CAN ĐÃ KHỞI TỐ

1. Khái niệm, phương pháp tính

Số vụ án đã khởi tố là số vụ việc có dấu hiệu tội phạm đã được cơ quan có thẩm quyền ra quyết định khởi tố vụ án hình sự.

Số bị can đã khởi tố là số người hoặc pháp nhân bị cơ quan có thẩm quyền ra quyết định khởi tố bị can.

- Nguyên tắc xác định tội danh:

+ Nếu vụ án có nhiều tội danh thì tội danh của vụ án được thống kê theo tội danh nghiêm trọng nhất của vụ án (của bị can đầu vụ);

+ Nếu bị can bị khởi tố về nhiều tội trong cùng một vụ án thì tội danh của bị can được thống kê theo tội danh nghiêm trọng nhất trong vụ án đó;

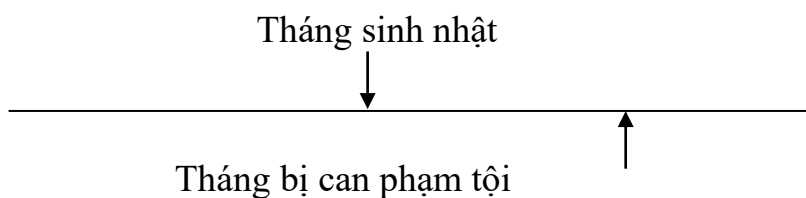
+ Trong các trường hợp trên nếu các tội danh có cùng mức độ nghiêm trọng thì thống kê theo tội danh có số thứ tự của điều luật nhỏ nhất trong Bộ luật hình sự.

- Tuổi bị can tính tại thời điểm phạm tội:

+ Cách tính tuổi tròn: Nếu tháng mà bị can phạm tội trùng hoặc sau tháng sinh nhật thì tuổi tròn được tính là năm phạm tội trừ đi năm sinh. Nếu tháng bị can phạm tội trước tháng sinh nhật thì lấy năm phạm tội trừ đi năm sinh và trừ 1.

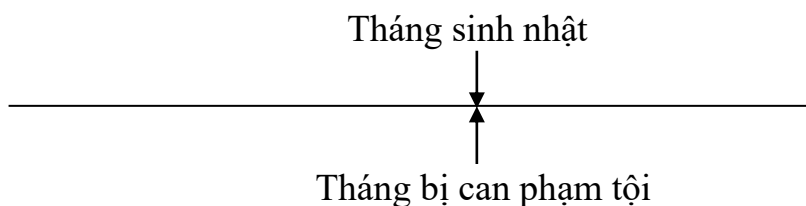
Hình 1: Tháng bị can phạm tội sau tháng sinh nhật

$$\text{Tuổi tròn} = \text{Năm phạm tội} - \text{Năm sinh}$$



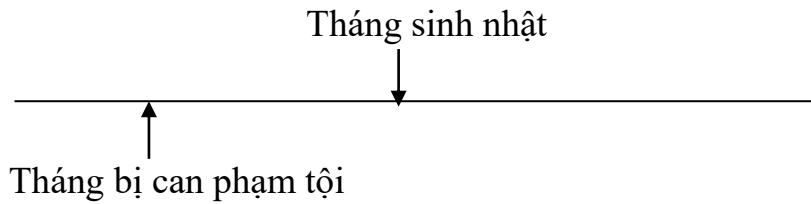
Hình 2: Tháng bị can phạm tội trùng tháng sinh nhật

$$\text{Tuổi tròn} = \text{Năm phạm tội} - \text{Năm sinh}$$



Hình 3: Tháng bị can phạm tội trước tháng sinh nhật

$$\text{Tuổi tròn} = \text{Năm phạm tội} - \text{Năm sinh} - 1$$



2. Cách ghi biểu

- Cột 1: Ghi số vụ án đã khởi tố trong kỳ tương ứng với các dòng của cột A.
- Cột 2: Ghi số bị can là pháp nhân đã khởi tố trong kỳ tương ứng với các dòng của cột A.
- Cột 3: Ghi số bị can là nữ đã khởi tố trong kỳ tương ứng với các dòng của cột A.
- Từ cột 4 đến cột 8: Ghi số bị can đã khởi tố trong kỳ chia theo từng độ tuổi tương ứng với các dòng của cột A.

Phạm vi và thời kỳ thu thập số liệu:

- *Phạm vi thu thập số liệu:* Toàn bộ vụ án và bị can đã được các cơ quan có thẩm quyền ra quyết định khởi tố trong kỳ báo cáo trên phạm vi cả nước.

- *Thời kỳ thu thập số liệu:*

+ Báo cáo 6 tháng: Ngày báo cáo là ngày 15 tháng 7 năm báo cáo, thời kỳ thu thập số liệu được tính từ ngày 01/01 đến hết ngày 30/6 năm báo cáo.

+ Báo cáo năm: Ngày báo cáo là 28 tháng 3 năm sau, thời kỳ thu thập số liệu được tính từ 01/01 năm báo cáo đến hết ngày 31/12 năm báo cáo.

3. Phạm vi và thời kỳ thu thập số liệu

Toàn bộ vụ án và bị can đã được các cơ quan có thẩm quyền ra quyết định khởi tố trong kỳ báo cáo trên phạm vi toàn tỉnh. Thời kỳ thu thập số liệu: 6 tháng và cả năm.

4. Nguồn số liệu

Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước.

| | Mã số | Số vụ án (Vụ) | Số bị can | | | | | | |
|--|-------|------------------|------------------------|-----------------|--------------|----------------------------|---------------------------|----------------------|-----------------------|
| | | | Pháp nhân (Tổ chức) | Cá nhân (Người) | | | | | |
| | | | | Tổng số | Trong đó: Nữ | Chia theo nhóm tuổi bị can | | | |
| | | | | | | Từ đủ 14 đến dưới 16 tuổi | Từ đủ 16 đến dưới 18 tuổi | Từ đủ 18 đến 30 tuổi | Từ đủ 31 tuổi trở lên |
| A | B | 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 |
| 2. Chia theo huyện/thị xã/thành phố | | | | | | | | | |
| - Thành phố | | | | | | | | | |
| - Huyện | | | | | | | | | |
| - | | | | | | | | | |

Người lập biểu
(Ký, họ tên)

Người kiểm tra biểu
(Ký, họ tên)

....., Ngày ... tháng ... năm ...
Thủ trưởng đơn vị
(Ký, đóng dấu, họ tên)

Biểu số: 002.H/T2002-VKS: SỐ VỤ ÁN, SỐ BỊ CAN ĐÃ TRUY TỐ

1. Khái niệm, phương pháp tính

- Số vụ án đã truy tố là số vụ án mà Viện kiểm sát đã ra quyết định truy tố vụ án ra trước Toà án bằng bản cáo trạng hoặc quyết định truy tố.

- Số bị can đã truy tố là số bị can mà Viện kiểm sát đã ra quyết định truy tố bị can đó ra trước Toà án bằng bản cáo trạng hoặc quyết định truy tố.

- Nguyên tắc xác định tội danh:

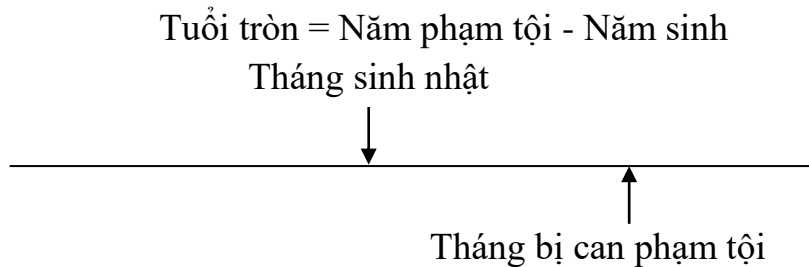
+ Nếu vụ án có nhiều tội danh thì tội danh của vụ án được thống kê theo tội danh nghiêm trọng nhất của vụ án (của bị can đầu vụ);

+ Nếu bị can bị khởi tố về nhiều tội trong cùng một vụ án thì tội danh của bị can được thống kê theo tội danh nghiêm trọng nhất trong vụ án đó;

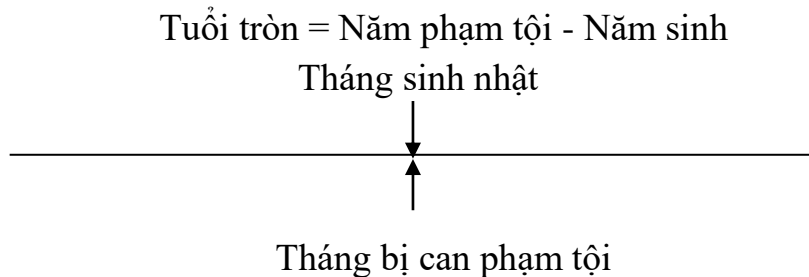
+ Trong các trường hợp trên nếu các tội danh có cùng mức độ nghiêm trọng thì thống kê theo tội danh có số thứ tự của điều luật nhỏ nhất trong Bộ luật hình sự.

Tuổi bị can tính tại thời điểm phạm tội. Cách tính tuổi tròn: Nếu tháng mà bị can phạm tội trùng hoặc sau tháng sinh nhật thì tuổi tròn được tính là năm phạm tội trừ đi năm sinh. Nếu tháng bị can phạm tội trước tháng sinh nhật thì lấy năm phạm tội trừ đi năm sinh và trừ 1.

Hình 1: Tháng bị can phạm tội sau tháng sinh nhật

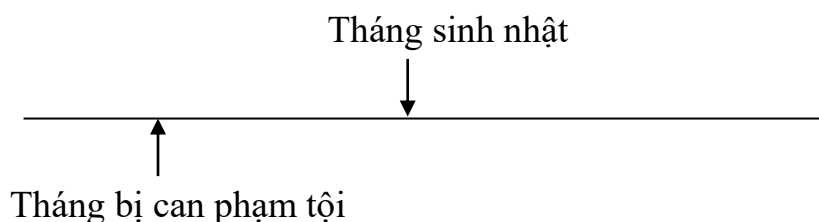


Hình 2: Tháng bị can phạm tội trùng tháng sinh nhật



Hình 3: Tháng bị can phạm tội trước tháng sinh nhật

$$\text{Tuổi tròn} = \text{Năm phạm tội} - \text{Năm sinh} - 1$$



2. Cách ghi biểu

- Cột 1: Ghi số vụ án đã truy tố trong kỳ tương ứng với các dòng của cột A.
- Cột 2: Ghi số bị can là pháp nhân đã truy tố trong kỳ tương ứng với các dòng của cột A.
- Cột 3: Ghi số bị can là nữ đã truy tố trong kỳ tương ứng với các dòng của cột A.
- Từ cột 4 đến cột 8: Ghi số bị can đã truy tố trong kỳ chia theo từng độ tuổi tương ứng với các dòng của cột A.

Phạm vi và thời kỳ thu thập số liệu:

- *Phạm vi thu thập số liệu:* Toàn bộ vụ án và bị can đã được Viện Kiểm sát ra quyết định truy tố trước Tòa án bằng bản cáo trạng hoặc quyết định truy tố trong kỳ báo cáo trên phạm vi cả nước.

- *Thời kỳ thu thập số liệu:*

+ Báo cáo 6 tháng: Ngày báo cáo 6 tháng là ngày 15 tháng 7 năm báo cáo, thời kỳ thu thập số liệu được tính từ ngày 01 tháng 01 năm báo cáo đến hết ngày 30 tháng 6 năm báo cáo.

+ Báo cáo năm: Ngày báo cáo là ngày 28 tháng 3 năm sau, thời kỳ thu thập số liệu được tính từ 01 tháng 01 năm báo cáo đến hết ngày 31 tháng 12 năm báo cáo.

3. Phạm vi và thời kỳ thu thập số liệu:

Toàn bộ vụ án và bị can đã được Viện Kiểm sát nhân dân ra quyết định truy tố trước tòa án nhân dân bằng bản cáo trạng hoặc Quyết định truy tố trong kỳ báo cáo trên phạm vi toàn tỉnh. Thời kỳ thu thập số liệu: 6 tháng và cả năm.

4. Nguồn số liệu

Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước.